

CHÍNH SÁCH TÀI CHÍNH NHẪM THÚC ĐẨY MÔ HÌNH KINH TẾ TUẦN HOÀN TRONG NÔNG NGHIỆP: TIẾP CẬN TỪ LÝ LUẬN

PGS.TS. Nguyễn Đào Tùng* - PGS.TS. Vũ Duy Nguyên*

Nghiên cứu tập trung phân tích, hệ thống hóa lý luận về chính sách tài chính thúc đẩy mô hình kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp. Cụ thể, trên cơ sở phân tích đặc điểm, tiêu chí đánh giá, nguyên tắc hoạt động và tầm quan trọng của mô hình kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp, nghiên cứu đã tập trung làm sáng rõ đặc điểm, vai trò, cơ chế tác động và nội dung của các chính sách tài chính trên nền tảng của các lý thuyết kinh tế, tài chính vĩ mô. Nghiên cứu góp một phần quan trọng về nghiên cứu lý luận và cơ sở khoa học cho công tác hoạch định, tổ chức triển khai, đánh giá, điều chỉnh đối với các chính sách chi ngân sách nhà nước, chính sách thuế, phí, chính sách tín dụng ưu đãi và chính sách bảo hiểm nhằm thúc đẩy mô hình KTTH trong nông nghiệp ở Việt Nam.

• Từ khóa: chính sách tài chính, mô hình tuần hoàn, nông nghiệp, tín dụng.

This study focuses on analyzing and systematizing theories on financial policies to promote the circular economic model in agriculture. Specifically, based on the analysis of characteristics, evaluating criteria and operating principles, the importance of the circular economic model in agriculture, the article researchs on clarifying the characteristics, roles, impact mechanisms and contents of financial policies on the basis of macroeconomic and financial theories. The study contributes an important part in theoretical research and scientific basis for the work of planning, organizing, implementing, evaluating and adjusting state budget expenditure policy, tax and fee policies, preferential credit policy and insurance policy to promote the circular economic model in agriculture in Vietnam.

• Key words: financial policies, circular economy model, agriculture, credits.

Ngày gửi bài: 26/3/2025

Ngày gửi phản biện: 03/4/2025

Ngày nhận và sửa sau phản biện: 10/4/2025

Ngày chấp nhận đăng: 14/4/2025

DOI: <https://doi.org/10.71374/jfar.v25.i287.02>

Đặt vấn đề

Trong bối cảnh Kinh tế tuần hoàn được nghiên cứu, triển khai thực tiễn và được đánh giá như là phương thức sản xuất then chốt đảm bảo phát triển kinh tế bền vững trên bình diện thế giới (MacArthur E, 2013) thì mô hình KTTH trong nông nghiệp (KTTH NN) được quan tâm đặc biệt không chỉ trong các nước phát triển mà còn ở các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam. KTTH NN được chỉ ra là phương thức sản xuất nông nghiệp mới với những ưu việt nổi trội trong khai thác hiệu quả và bền vững nguồn tài nguyên và giải quyết các vấn đề cấp bách liên quan đến nhiều hệ lụy của biến đổi khí hậu (hạn hán, lũ lụt, thiên tai...), hiệu ứng nhà kính, ô nhiễm môi trường, bệnh dịch (Nguyễn Đào Tùng và cộng sự, 2025).

Tiếp cận kinh tế, tài chính vĩ mô thì chính sách tài chính là yếu tố quan trọng trong thúc đẩy hình thành, phát triển của KTTH trong nông nghiệp. Minh chứng đã được kiểm định rõ nét tại các nước như Mỹ, các nước EU và Trung Quốc và được rút ra từ một số nghiên cứu trong và ngoài nước (Nguyễn Đào Tùng và cộng sự, 2024). Tuy nhiên, vẫn còn thiếu các nghiên cứu lý luận có tính hệ thống, khoa học trong luận giải về cơ cấu, nội dung và cơ chế tác động của các chính sách tài chính đến thúc đẩy mô hình KTTH NN gắn với các lý thuyết nền về kinh tế, tài chính vĩ mô như lý thuyết tổng cầu của Keynes (1936), lý thuyết nền kinh tế hỗn hợp của Paul Samuelson (1948) và mô hình tăng trưởng Solow (1956). Vì vậy, bài nghiên cứu tập trung làm sáng rõ vấn đề lý luận trên để làm cơ sở cho việc hoạch định, ban hành và triển khai hiệu quả các chính sách tài chính thúc đẩy phương thức sản xuất mới trong nông nghiệp.

1. Cơ sở lý thuyết về mô hình Kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp

1.1. Đặc điểm của mô hình Kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp

Nghiên cứu trong và ngoài nước có đưa ra nhiều định nghĩa khác nhau về mô KTTH NN. Tuy nhiên một số định nghĩa điển hình như: KTTH NN được coi là một nền kinh tế khép kín tập trung vào sản xuất hàng hóa nông nghiệp, sử dụng tối thiểu các yếu tố đầu vào bên ngoài và giảm thiểu phát thải ra môi trường bao gồm chất thải và khí thải (University College Dublin, 2017). KTTH NN là nền sản xuất nông nghiệp theo một chu trình khép kín mà ở đó chất thải hay phế phụ phẩm của quá trình sản xuất này được xử lý là đầu vào của quá trình sản xuất khác, hay có thể hiểu là quy trình sản xuất hạn chế tới mức tối đa phát thải, chất thải ra môi trường nhờ việc tận dụng những phế phẩm, phụ phẩm đã được xử lý theo công nghệ sinh học để làm đầu vào cho quy trình sản xuất tiếp theo. Việc ứng dụng mô hình KTTH NN giúp tạo ra sản phẩm nông nghiệp an toàn, có chất lượng cao, giảm thiểu lãng phí thất thoát một cách tối đa và đặc biệt là giảm thiểu tối đa chất thải (Nguyễn Xuân Hồng, 2020). Trong bối cảnh biến đổi khí hậu diễn ra ngày

* Học viện Tài chính

càng pháp thì việc áp dụng KTTH NN được coi là một lựa chọn tốt để đạt được sự bền vững trong hệ thống sản xuất nông nghiệp (Stegmann & cộng sự, 2020).

Trong khuôn khổ nghiên cứu, KTTH NN có thể hiểu là mô hình sản xuất nông nghiệp dựa trên áp dụng nguyên lý của kinh tế tuần hoàn, tập trung vào sản xuất hàng hóa, tạo ra sản phẩm an toàn, chất lượng, hiệu quả cao trên cơ sở tận dụng và tái sử dụng tối đa các phế phẩm, phụ phẩm, chất thải và giảm tới mức thấp nhất lượng chất thải ra môi trường hoặc không có chất thải.

KTTH NN có một số đặc điểm điển hình như: (i) bảo tồn và phát triển tài nguyên tự nhiên thông qua việc kiểm soát, kế hoạch nhằm sử dụng hợp lý các tài nguyên không tái tạo và tài nguyên tái tạo phù hợp với hệ thống tự nhiên; (ii) tối ưu hóa lợi ích của tài nguyên bằng cách tuần hoàn các sản phẩm và nguyên, vật liệu nhiều nhất có thể trong các chu trình kỹ thuật và sinh học; (iii) nâng cao hiệu suất chung của toàn hệ thống bằng cách tối thiểu hóa các ngoại ứng tiêu cực, thiết kế chất thải, thiết kế ô nhiễm ngay từ đầu của quá trình sản xuất; (iv) nâng cao tính cạnh tranh của nền sản xuất nông nghiệp theo hướng sản phẩm xanh, sạch, hữu cơ và thân thiện với môi trường sống.

Vận hành mô hình KTTH NN trên cơ sở tuân thủ 3 nguyên tắc cơ bản, bao gồm: Một là, thiết kế loại bỏ tối đa chất thải và ô nhiễm môi trường; Hai là, đảm bảo kéo dài vòng đời sản phẩm; Ba là, bảo tồn và phục hồi các hệ sinh thái, tái tạo các hệ thống tự nhiên, tạo ra nền nông nghiệp tăng khả năng tái sinh.

Trong nghiên cứu và triển khai thực tiễn, mô hình KTTH NN đã được phát triển đa dạng và với mức độ tuần hoàn khác nhau và được hệ thống hóa theo một số mô hình sau: (i) Mô hình Vườn - Ao - Chuồng (VAC) và các mô hình VAC cải tiến (như: Vườn - Ao - Chuồng - Biogas (VACB), Vườn - Ao - Chuồng - Rừng (VACR) - mô hình kết hợp giữa VAC với hoạt động lâm nghiệp tại các tỉnh miền núi và Vườn - Ao - Hồ (VAH)); (ii) Mô hình “lúa, tôm”, (iii) Mô hình “lúa, cá”; (iv), Mô hình trồng lúa - trồng nấm - sản xuất phân hữu cơ - trồng cây ăn quả; (v) Mô hình sản xuất phân hữu cơ từ chất thải nông nghiệp; (vi) Mô hình sản xuất tổng hợp bò - trùn quế - cỏ/ngô - gia súc, gia cầm - cá; (vii) Mô hình chăn nuôi an toàn sinh học 4F (Farm - Food - Feed - Fertilizer: Trồng trọt - Thực phẩm - Chăn nuôi - Phân bón); (viii) mô hình “vòng tuần hoàn xanh” trong các trang trại bò sữa.

1.2. Tiêu chí đánh giá mô hình kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp

Trên cơ sở nghiên cứu, phân tích hệ thống, đánh giá hệ thống nông nghiệp bằng phương pháp đánh giá vòng đời (Life Cycle Assessment - LCA, Hiệp hội Độc chất học và Hóa học Môi trường, 1993); Phương pháp Chi phí vòng đời (Life Cycle Costing - LCC: Bộ Quốc phòng Mỹ, 1976) được sử dụng để định lượng các chỉ số môi trường liên quan đến đánh giá vòng đời; Phương pháp BCA (Cost-Benefit Analysis, Alfred Marshall, tác giả của Principles of Economics, 1890) cũng được sử dụng để phân tích chi phí - lợi ích trong việc triển khai các dự

án KHTH NN, có 5 tiêu chí cơ bản được dùng để đánh giá mô hình KTTH NN, bao gồm:

R1: Tiêu chí giảm ô nhiễm môi trường

Mô hình hướng đến giảm chất thải và ô nhiễm môi trường thông qua giảm việc sử dụng sản phẩm phân bón, thuốc bảo vệ thực vật có chứa hóa chất vô cơ, chất có thành phần kháng sinh; tăng cường phân bón hữu cơ, thức ăn hữu cơ và kháng khuẩn hữu cơ, thuốc bảo vệ thực vật hữu cơ để xử lý chất thải, phế phẩm chuyển thành nguyên liệu cho quy trình sản xuất tiếp theo. Bên cạnh đó, giảm chất thải từ thực phẩm thải loại ra môi trường gây ra ô nhiễm nguồn nước, không khí và môi trường sống. Thực hiện xử lý thức ăn bị vớt bỏ cũng như phần lớn rác thải khác, tiếp tục bị đổ ra các bãi rác, nơi thải ra khí methane thông qua các công nghệ ủ với men vi sinh, công nghệ phân loại rác và thực phẩm để xử lý thành các loại khí và phân bón hữu cơ trong trồng trọt.

R2: Tiêu chí Tái sử dụng

Tiêu chí tiếp cận theo hướng kéo dài vòng đời của sản phẩm. Tiếp cận theo quy trình và phương pháp LCA bắt đầu từ lúc lên ý tưởng cho đến khi bị đào thải khỏi thị trường. Khi đó, các nhà sản xuất đã có kế hoạch chủ động sử dụng công cụ, dụng cụ, máy móc, thiết bị, công nghệ và nguyên liệu, xử lý phế liệu, phế phẩm, chất thải trong từng công đoạn hay khi đào thải ra môi trường để tiếp tục được phân loại để chuyển giao cho nhà sản xuất khác hoặc tham gia vào quy trình sản xuất khác, hay được tân trang, cải biến để cung cấp đầu vào cho quy trình sản xuất sản phẩm mới (Hương, N. T, 2023).

R3: Tiêu chí Tái sản xuất

Tiêu chí cũng dựa trên LCA để các nhà sản xuất chủ động thiết kế và lựa chọn nguyên liệu, xử lý phế liệu, phế phẩm và phế thải qua các quy trình xử lý bằng công nghệ sinh học để chuyển biến thành năng lượng tái tạo hay nguyên liệu đầu vào cho hoạt động tái chế, tái sản xuất nguyên liệu, tái sản xuất sản phẩm mới. Minh chứng trong mô hình VAC thì chất thải của khâu chăn nuôi được ủ dạng vi sinh thành năng lượng dạng khí và một phần chuyển biến thành đầu vào sản xuất phân hữu cơ vi sinh phục vụ cho quy trình trồng trọt (Quang et al., 2024).

R4: Tiêu chí Phục hồi hệ sinh thái

Tiêu chí xem xét đến quá trình bảo tồn và phục hồi hệ sinh thái tự nhiên hay không. Có các yếu tố đầu vào giảm thiểu việc sử dụng nguyên, nhiên liệu được khai thác lần đầu, khai thác thô từ tự nhiên và giảm tối đa yếu tố đầu ra như phế phẩm, phế liệu, phế thải xả ra môi trường không được xử lý hoặc không được tái chế, tái tạo ra sản phẩm mới thân thiện môi trường. Vấn đề phục hồi năng lượng, nguồn nước, nguồn không khí sạch cũng là những yếu tố căn bản của phục hồi hệ sinh thái tự nhiên, chống lại tác nhân gây hiệu ứng nhà kính và biến đổi khí hậu. Trong nông nghiệp, mô hình KTTH coi chất thải là tài nguyên (Sharma, 2018). Với quan điểm tái chế nhằm giảm chi phí kinh tế và môi trường trong hoạt động sản xuất nông nghiệp theo hệ sinh thái tự nhiên và tăng tái chế nguồn nước và tái sử dụng nước thải là một trong những nội dung quan trọng của KTTH NN.

R5: Tiêu chí sử dụng năng lượng tái tạo

Tiêu chí xem xét mô hình KTTH NN có tham gia vào quá trình sử dụng và tạo ra năng lượng không. Trong bối cảnh nền sản xuất nông nghiệp ngày càng được hiện đại hóa, tự động hóa, số hóa và thông minh hóa thì việc sử dụng năng lượng ngày càng tăng lên. Việc sử dụng năng lượng điện có nguồn gốc từ nguyên liệu hóa thạch như than, dầu mỏ, khí đốt tự nhiên, cùi dừa là nguyên liệu không tái tạo hoặc khó tái tạo, gây ra ô nhiễm môi trường không khí, tiếng ồn, tăng lượng khí CO_2 , NO_x , N_2O , CH_4 , gây ra hiện tượng hiệu ứng nhà kính và biến đổi khí hậu, gián tiếp gây ra cạn kiệt nguồn tài nguyên không tái tạo. Chính vì vậy, mô hình khuyến khích sử dụng nguồn năng lượng tái tạo phục vụ sản xuất như nguồn điện, nhiệt từ gió, nước, khí sinh học Biogas hay cơ chế động lực học từ địa hình đa dạng trong sản xuất để giảm, tiết kiệm năng lượng tái tạo

2. Cơ sở lý thuyết về chính sách tài chính thúc đẩy mô hình Kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp**2.1. Đặc điểm chính sách tài chính thúc đẩy mô hình Kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp**

Chính sách tài chính thúc đẩy mô hình KTTH NN được hiểu là tổng thể các quan điểm, tư tưởng, các nguyên tắc, các giải pháp và công cụ mà Nhà nước sử dụng để tác động tới các đối tượng và khách thể quản lý nhằm hình thành, phân bổ, sử dụng các nguồn lực tài chính cho phát triển mô hình KTTH NN theo định hướng chiến lược phát triển kinh tế xã hội của quốc gia.

Với quan điểm tiếp cận vĩ mô, Chính sách tài chính thúc đẩy mô hình KTTH NN có các đặc điểm cơ bản: Thứ nhất, là chính sách công của nhà nước áp dụng cho lĩnh vực tài chính và lĩnh vực nông nghiệp theo mô hình KTTH NN nên mang đầy đủ tính chất của một chính sách công; Thứ hai, là tổng thể các quan điểm, tư tưởng, các nguyên tắc, các giải pháp và công cụ mà Nhà nước sử dụng để tác động tới các đối tượng và khách thể quản lý nhằm hình thành, phân bổ, sử dụng các nguồn lực tài chính. Các nội dung chính sách được cụ thể hóa thông qua các văn bản pháp lý như: Luật, Nghị định, quyết định của Thủ tướng Chính phủ, các thông tư. Các văn bản có tính pháp lý cao và bắt buộc các chủ thể, đối tượng và khách thể liên quan phải thực hiện và có các chế tài điều chỉnh hành vi; Thứ ba, nội dung của chính sách gắn với các nội dung huy động, sử dụng, phân bổ ngân sách nhà nước (NSNN) cấp trung ương và địa phương cho phát triển mô hình KTTH NN như: Chi NSNN tại Trung ương và địa phương; các chính sách thuế, phí, lệ phí liên quan; phân bổ tín dụng của các tổ chức tài chính, các quỹ ngoài ngân sách, huy động và phân bổ nguồn tài chính thông qua thị trường tài chính nhằm hỗ trợ nguồn vốn cho thúc đẩy mô hình KTTH NN; chính sách bảo hiểm nông nghiệp hướng đến phòng ngừa và xử lý hiệu quả các loại rủi ro có thể phát sinh của mô hình KTTH NN; Thứ tư, mục tiêu của chính sách tài chính là hiệu quả, hiệu suất đối với hình thành, phân bổ, sử dụng các nguồn lực tài chính cho thúc đẩy mô hình KTTH NN trên các khía cạnh về tăng trưởng KTTH và cải thiện chất lượng theo định hướng chiến lược phát triển kinh tế xã hội của quốc gia; Thứ năm, đối tượng và khách thể của

chính sách bao gồm đối tượng (các nhà sản xuất và các nhà cung ứng liên quan đến mô hình KTTH NN); Khách thể quản lý gồm các cơ quan quản lý nhà nước tại trung ương, tổ chức quản lý tại địa phương liên quan đến phát triển KTTH NN, các tổ chức tài chính- tín dụng (ngân hàng thương mại, ngân hàng chính sách xã hội, các quỹ ngoài ngân sách, các tổ chức tài chính vi mô, quỹ tín dụng nhân dân), các tổ chức nghiên cứu khoa học, người tiêu dùng (cá nhân, tổ chức và chính phủ) sản phẩm của KTTH NN.

2.2. Nội dung chính sách tài chính thúc đẩy mô hình kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp

Thứ nhất, nội dung của chính sách chi ngân sách nhà nước nhằm thúc đẩy mô hình kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp.

Chính sách chi ngân sách Nhà nước được triển khai như là một công cụ tài chính quan trọng nhằm tác động vào việc tạo lập và cải thiện các yếu tố cơ sở hạ tầng cho mô hình KTTH NN thông qua mục chi tiêu công của chính quyền trung ương và địa phương (G), Khuyến khích đầu tư tư nhân (I) vào sản xuất nông nghiệp theo mô hình KTTH NN (theo lý thuyết tổng cầu của Keynes), và tác động hỗ trợ cải thiện yếu tố Lao động (L), Vốn (K) và Khoa học công nghệ (A) tiếp cận từ phía các nhà sản xuất (theo mô hình tăng trưởng Solow). Nội dung cụ thể bao gồm: (i) Ngân sách nhà nước phân bổ hàng năm của Ngân sách trung ương (NSTW) và Ngân sách địa phương (NSĐP) cho đầu tư công thông qua các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng phát triển mô hình KTTH NN như: dự án đầu tư dự án thủy lợi, đường xá, hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng điện, nước, cơ sở hạ tầng khu công nghệ cao, các trung tâm nghiên cứu, thí nghiệm, ứng dụng R&D vào KTTH, các dự án xử lý rác thải, phế thải thành phân bón vi sinh hữu cơ (Horizon Europe Work Program, 2023); (ii) Đầu tư vốn (K) cho doanh nghiệp nhà nước tham gia vào sản xuất theo mô hình KTTH NN theo hướng mũi nhọn của nền nông nghiệp quốc gia; (iii) Ngân sách mua sắm công xanh là một trong những chính sách quan trọng và có thể giúp thu hút một lượng lớn các khoản đầu tư vào mô hình KTTH NN, từ đó tạo nguồn lực và bước đệm để phát triển mô hình KTTH NN, đồng thời giúp củng cố niềm tin của nhà đầu tư tư nhân vào các lĩnh vực khác nhau của mô hình; (iv) Đầu tư tạo lập quỹ phát triển khoa học công nghệ hoặc tài trợ cho các chương trình nghiên cứu R&D gắn với phát triển mô hình; (v) Ngân sách phân bổ để hình thành các quỹ hỗ trợ doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp chuyển đổi từ mô hình nông nghiệp tuyến tính sang mô hình KTTH NN; (vi) tài trợ nguồn ngân sách cho các hoạt động tuyên truyền, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực nhằm nâng cao nhận thức của nhà sản xuất (doanh nghiệp, hộ gia đình), người lao động, người tiêu dùng và cộng đồng nhằm thúc đẩy nền kinh tế chuyển dịch sang mô hình KTTH NN nhanh chóng (European Environment Agency, 2023); (vii) Phân bổ ngân sách nhà nước hỗ trợ phần lãi suất (một phần hoặc toàn phần) đối với một số chương trình cho tín dụng ưu đãi thông qua các ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng, quỹ tín dụng nhân dân hoặc các tổ chức tài chính vi mô cho các dự án sản xuất KTTH NN.

Thứ hai, nội dung của chính sách thuế, phí thúc đẩy mô hình KTTH NN. Chính sách thuế, phí có vai trò quan trọng trong điều tiết và định hướng hành vi sản xuất và tiêu dùng sản phẩm nông nghiệp hướng tới mô hình KTTH NN bởi những tác động sâu rộng đến giá cả, chi phí, lợi ích của nhà sản xuất, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các tập đoàn sản xuất nông nghiệp hướng đến chuỗi giá trị quốc gia hoặc toàn cầu, tới người tiêu dùng trong và ngoài nước từ đó tạo ra những nhận thức và chuyển biến xã hội mô hình. Các chính sách thuế bao gồm: thuế gián thu (thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng (GTGT), thuế bảo vệ môi trường (BVMT), thuế sử dụng đất nông nghiệp, thuế tài nguyên đối với một số đối tượng liên quan), thuế trực thu như thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, tiền thuê đất, thuế mặt nước phục vụ cho sản xuất nông nghiệp.

Nội dung các chính sách thuế, phí đến phát triển KTTH trong nông nghiệp, bao gồm:

(i) Thuế gián thu tác động điều chỉnh hành vi nhà sản xuất, nhà cung ứng và người tiêu dùng (người dân, tổ chức hay Chính phủ). Cụ thể, một là chính sách thuế có tác động khuyến khích sản xuất theo hướng hạ thuế suất để giảm giá bán hàng hóa, nguyên liệu nhằm khuyến khích người tiêu dùng, tăng thị phần thị trường và giá trị của các nhà sản xuất, nhà cung ứng trên thị trường. Các loại thuế gián thu gắn với sản phẩm mô hình KTTH NN gồm: Thuế nhập khẩu (miễn, giảm thuế đối với máy móc, thiết bị, nguyên liệu đầu vào), Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có theo hướng miễn, giảm hàng hóa nhập khẩu thuộc đối tượng đánh thuế), Thuế GTGT (miễn, giảm thuế đối với máy móc, thiết bị, nguyên liệu đầu vào của KTTH), Thuế đất nông nghiệp và thuế đất phi nông nghiệp phục vụ mặt bằng cho mô hình KTTH NN (miễn, giảm thuế nhằm giảm chi phí sản xuất). Hai là, chính sách thuế có tác động hạn chế sản xuất đối với một số loại sản phẩm nông nghiệp như tăng thuế suất hoặc mở rộng đối tượng chịu thuế để tác động tăng giá bán hàng hóa trong thị trường, giảm tính cạnh tranh của hàng hóa có xu hướng gây ô nhiễm môi trường, tiêu dùng nhiều tài nguyên, năng lượng không tái tạo hay có thể phá vỡ hệ sinh thái, làm tác nhân gây hiệu ứng nhà kính (thực hiện tiêu chí R1, R4 và R5). Các loại thuế thường được áp dụng bao gồm: Thuế nhập khẩu, thuế bảo vệ môi trường, thuế cacbon và thuế tài nguyên. Các chính sách thuế được xây dựng nhằm mục đích tạo ra các rào cản về kinh tế đối với những hoạt động gây tổn hại cho môi trường như công nghệ sản xuất sử dụng nhiên liệu hóa thạch, các hoạt động kinh tế sử dụng công nghệ lạc lậu, tiêu tốn nhiều năng lượng. Bên cạnh đó, các loại thuế, phí đánh vào các đối tượng gây ô nhiễm môi trường khác nhau (tài nguyên khoáng sản, nhiên liệu hóa thạch (dầu thô, khí thiên nhiên, than đá...), các sản phẩm năng lượng (dầu và mỡ bôi trơn, khí đã qua xử lý, xăng...), sản phẩm khoáng sản, các phương tiện giao thông (như ô tô, xe máy), hàm lượng khí thải CO₂, các sản phẩm hàng hóa khác (như thuốc lá, túi ni lông, các thiết bị chứa hỗn hợp các chất gây hại cho tầng ozon...); đánh vào các giai đoạn khai thác, sử dụng, tiêu dùng những đối tượng gây ô nhiễm đó. Ví dụ: Thuế năng lượng/nhiên liệu: Thuế năng lượng/nhiên

liệu thu đối với các sản phẩm khi sử dụng tạo ra khí CO₂ như xăng, dầu, than đá, gas tự nhiên, điện. Thuế phương tiện: Thuế phương tiện thu đối với các phương tiện khi lưu hành thải ra khí CO₂; Thuế môi trường: Thuế môi trường thu đối với sản phẩm khi sử dụng gây tác động xấu đến môi trường. Thu đối với NO_x (hoá chất có gốc Oxit Nitơ); SO_x (hoá chất có gốc Oxit Sulfuric), NH₃, CO; Thu đối với hóa chất sử dụng trong nông nghiệp, thuốc trừ sâu, thuốc diệt nấm; Thu đối với túi ni lông.

(ii) Chính sách thuế trực thu đánh vào các nhà sản xuất theo hướng giảm thuế suất, doanh thu chịu thuế nhằm tạo ưu đãi, khuyến khích đầu tư chuyển dịch từ mô hình sản xuất nông nghiệp truyền thống sang mô hình KTTH NN. Các chính sách tác động theo hướng các mô hình sản xuất nông nghiệp đạt được một phần hay nhiều phần trong 5 tiêu chí đánh giá (từ R1 đến R5). Cách thức vận dụng chính sách theo hướng giảm thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân; tăng doanh thu được miễn thuế trong tính thuế thu nhập cá nhân hay thuế thu nhập doanh nghiệp được tạo ra từ sản phẩm KTTH NN. Ví dụ như áp dụng cho hoạt động đầu tư vào năng lượng tái tạo, sản xuất các sản phẩm hàng hóa tiêu tốn ít năng lượng phục vụ KTTH NN; miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng chỉ giảm phát thải; ưu đãi thuế áp dụng cho các doanh nghiệp có hoạt động hoặc ứng dụng công cao trong sản xuất theo mô hình KTTH NN, giảm thuế thu nhập cá nhân đối với hộ sản xuất theo mô hình KTTH NN.

Thứ ba, nội dung chính sách tín dụng ưu đãi thúc đẩy mô hình kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp

Chính sách tín dụng thúc đẩy mô hình KTTH NN có thể được triển khai dưới dạng các chính sách phát triển hệ thống ngân hàng thương mại, chính sách xã hội và công ty bảo hiểm nhằm cung cấp các giải pháp tài chính và dịch vụ tư vấn hỗ trợ, hạ lãi suất cho vay (theo các chương trình tín dụng ưu đãi), nói lỏng điều kiện cho vay (tài sản thế chấp, xuất trình báo cáo tài chính...), tăng khả năng tiếp cận các nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng, quỹ ngoài ngân sách, quỹ tín dụng nhân dân, chính sách bảo lãnh hay các khoản vay tài trợ trực tiếp hay kéo dài thời hạn cho vay nhằm tạo điều kiện tốt hơn trong huy động nguồn vốn (K) giá rẻ cho các nhà sản xuất, nhà cung ứng hoặc các trung tâm nghiên cứu R&D về mô hình KTTH NN, hay tác động qua cơ chế hạ lãi suất khuyến khích tăng đầu tư (I) trong quá trình chuyển đổi sang sản xuất nông nghiệp theo mô hình KTTH. (U.S. Department of agriculture, 2022)

Khi các định chế tài chính như ngân hàng thương mại, ngân hàng chính sách xã hội cung cấp các dịch vụ tín dụng hỗ trợ, thì nhà sản xuất có thể được giảm chi phí sản xuất nhờ mức lãi suất ưu đãi, thời hạn tín dụng kéo dài, tăng hạn mức tín dụng và điều kiện trả nợ được nói lỏng đối với các dự án đáp ứng bán phần hay toàn bộ tiêu chí của mô hình KTTH NN (ví như đáp ứng càng nhiều tiêu chí (từ R1 đến R5) thì càng được ưu đãi). Sự phát triển đa dạng các sản phẩm tín dụng như: (i) các khoản vay song phương giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại; (ii) các khoản vay hợp vốn (đồng tài trợ) khi một nhóm ngân hàng tài trợ cho

một dự án KTTH NN, trong đó có một ngân hàng đóng vai trò là đầu mối, tiến hành quản lý, tập trung các tài liệu liên quan tới khoản vay; (iii) các khoản vay tài trợ vốn lưu động hoặc tài trợ dự án cho các hoạt động đầu tư, dự án đáp ứng tiêu chí KTTH NN.

Bên cạnh các tổ chức trung gian tài chính, nguồn tín dụng có thể được cung cấp bởi Chính phủ (thông qua các quỹ môi trường, các quỹ của ngân sách trung ương và địa phương...), hoặc từ cộng đồng (thông qua gọi vốn cộng đồng, các tổ chức tài chính vi mô). Đặc biệt, có thể thông qua các ngân hàng phát triển đa phương (như: Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), Ngân hàng Thế giới (WB)) cung cấp các khoản tín dụng ưu đãi như: gói tín dụng dài hạn, dựa trên mức lãi suất thị trường; gói tín dụng rất dài hạn với mức lãi suất thấp hơn nhiều so với lãi suất thị trường; cung cấp thêm dịch vụ trợ giúp, chủ yếu là trợ giúp kỹ thuật, các dịch vụ tư vấn hoặc chuẩn bị dự án sản xuất theo mô hình KTTH NN đã triển khai thành công tại một số vùng hoặc khu vực.

Thứ tư, nội dung chính sách bảo hiểm nông nghiệp thúc đẩy mô hình KTTH

Bảo hiểm nông nghiệp là một nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ có đối tượng bảo hiểm là các rủi ro phát sinh trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp và đời sống nông thôn, bao gồm những rủi ro gắn liền với trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp, vật tư, hàng hóa, nguyên vật liệu, nhà xưởng, kho tàng. Đồng thời nó cũng là nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ có đối tượng bảo hiểm giới hạn trong các rủi ro gắn liền với cây trồng và vật nuôi.

Loại hình bảo hiểm nông nghiệp được biết đến nhiều nhất là bảo hiểm mùa màng. Bảo hiểm mùa màng nhằm vào thị trường sản xuất nông nghiệp, bao gồm hộ sản xuất, hộ chăn nuôi và các đối tượng khác nhằm bảo vệ các cá nhân và tổ chức, doanh nghiệp khi mất mùa, bệnh dịch, bị ô nhiễm xảy ra do các nguyên nhân: thảm họa tự nhiên như mưa đá, hạn hán, lũ lụt, hay khi bị thâm hụt lợi tức do sự trượt giá của các mặt hàng nông sản. Sản phẩm bảo hiểm điển hình như: Bảo hiểm mùa màng (bảo hiểm hoa lợi mùa màng và bảo hiểm lợi tức mùa màng).

2.3. Tầm quan trọng và cơ chế tác động của chính sách tài chính thúc đẩy mô hình kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp

Nghiên cứu tiếp cận từ các lý thuyết nền tảng liên quan như: (i) Lý thuyết tổng cầu của Keynes (Lý thuyết chung về việc làm, lãi suất và tiền tệ được xuất bản năm 1936) với vai trò quan trọng về Chi tiêu chính phủ (G), Thuế (T), Cán cân thương mại (NX) trong thúc đẩy mở rộng sản lượng sản xuất, trong thu hút và định hướng đầu tư tư nhân trong và ngoài nước (I) vào KTTH NN; (ii) Lý thuyết về nền kinh tế hỗn hợp - Paul Samuelson (1948) với việc kết hợp “bàn tay vô hình” từ thị trường và “Bàn tay hữu hình” từ nhà nước để xử lý những thất bại của thị trường (như ô nhiễm môi trường, hệ lụy của thông tin bất cân xứng...); (iii) Mô hình tăng trưởng Solow (1956) tiếp cận từ tổng cung khi xem xét các yếu tố đầu vào của sản xuất có các yếu tố cần giải quyết trong huy động và phân bổ Vốn (K), Lao động (L) và Khoa học công nghệ (A) cho tăng trưởng và sản lượng.

Bảng 1: Cơ sở lý thuyết của chính sách tài chính thúc đẩy mô hình KTTH trong nông nghiệp

Nội dung		Lý thuyết LCA Lý thuyết BCA	Lý thuyết tổng cầu của Keynes (1936)	Lý thuyết về nền kinh tế hỗn hợp - Paul Samuelson (1948)	Mô hình tăng trưởng Solow (1956)
Mô hình	Mô hình KTTH NN	Nguyên tắc, tiêu chí R1-R5			K, L, A
Chính sách tài chính	Chính sách chi NSNN	Chi phí SX, lợi ích	G, AD và Y	G, NX=X-IM	K, L, A
	Chính sách thuế, phí	Chi phí SX, doanh thu, lợi ích	C, I, NX=X-IM	Thuế về ô nhiễm môi trường	L, A
	Chính sách tín dụng ưu đãi	Chi phí SX, lợi ích	I	G, NX	K
	Chính sách bảo hiểm trong nông nghiệp	Chi phí SX, lợi ích	I		

Nguồn: Nghiên cứu và tổng hợp từ nhóm tác giả

Như vậy, mục tiêu thúc đẩy mô hình KTTH trong nông nghiệp là cần thiết và tất yếu khách quan. Thúc đẩy mô hình này được hiểu là quá trình vận động, tăng trưởng về quy mô và đồng thời có sự hoàn chỉnh năng lực sản xuất, cơ cấu, thể chế, công nghệ của các mô hình sản xuất nông nghiệp dựa trên áp dụng nguyên lý và cơ chế của KTTH nhằm đạt hiệu quả cao cho nhà sản xuất và thu nhập, cải thiện môi trường sống cho các chủ thể liên quan và xã hội. Trong đó:

Một là, tăng trưởng mô hình KTTH NN cần đáp ứng yêu cầu về đa dạng hóa các mô hình sản xuất thông qua kết hợp nhiều loại hình KTTH NN, kết hợp với dịch vụ và triển khai trên nhiều địa bàn có tính chất địa lý khác nhau từ nông thôn, thành thị hay miền núi; gia tăng số lượng nhà sản xuất tham gia KTTH NN; gia tăng về giá trị sản lượng mà KTTH NN đem lại như: tăng doanh thu bán sản phẩm, giá trị phế liệu, phế phẩm tái sử dụng hay tái chế cho các công đoạn tiếp theo.

Hai là, nâng cao chất lượng của mô hình KTTH NN trên các mặt: (i) 5 tiêu chí đánh giá về mô hình KTTH (từ tiêu chí R1 đến R5) được cải thiện tích cực theo thời gian và không gian; (ii) áp dụng mô hình KTTH NN phức tạp hơn và với công nghệ tiên tiến hơn, quy mô lớn hơn; (iii) tăng cường cải thiện thể chế quản lý và nhận thức của cộng đồng liên quan đến mô hình KTTH NN; (iv) kiểm soát rủi ro trong quá trình phát triển mô hình KTTH NN (rủi ro lây nhiễm dịch bệnh dịch, tác động ngoại lai tiêu cực từ ô nhiễm môi trường, từ nguồn nước, nguồn đất, nguồn không khí và hệ lụy của biến đổi khí hậu (bão, lụt, hạn hán, mưa axit) có nguy cơ xảy ra cao, phá hủy thành quả của mô hình KTTH NN).

Vai trò và cơ chế tác động của chính sách tài chính thúc đẩy mô hình KTTH NN được phân tích trên cơ sở các lý thuyết nền về kinh tế vĩ mô (Bảng 1) và theo cơ chế tác động theo sơ đồ 1. Cụ thể:

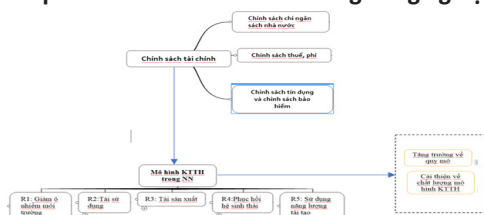
Thứ nhất, chính sách tài chính huy động nguồn lực tài chính của nhà nước và xã hội tài trợ cho các nhà sản xuất, nhà cung ứng nhằm thúc đẩy mô hình KTTH NN.

Tiếp cận theo nguyên lý thị trường và từ tổng cung, Mô hình tăng trưởng Solow (1956) nhấn mạnh cần giải quyết các vấn đề về huy động và phân bổ vốn (K), Lao động (L) và Khoa học công nghệ (A) đến tăng trưởng về sản lượng sản xuất. Như vậy, chính sách tài chính có vai trò quan trọng trong: (i) huy động nguồn vốn tài trợ cho vốn kinh doanh của các nhà sản xuất và nhà cung ứng (có vốn để mua tài sản cố định và tài sản lưu động) thông qua các chính sách tín dụng, chính

sách chi ngân sách nhà nước và thị trường tài chính, doanh thu từ thị trường cacbon; (ii) Tài trợ nguồn tài chính cho phát triển khoa học công nghệ (A) thông qua các dự án nghiên cứu R&D về công nghệ sinh học, công nghệ vi sinh và các công nghệ mới phục vụ phát triển KTTH trong nông nghiệp. Bên cạnh đó hỗ trợ hoạt động chuyển giao, truyền thông công nghệ giữa các bên trong và ngoài nước cho mô hình KTTH NN; (iii) Hỗ trợ tài chính từ ngân sách nhà nước, nhà tài trợ, từ chi phí được giảm trừ tính thuế cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng (L) đáp ứng KTTH; hỗ trợ trong chuyển dịch lao động từ lĩnh vực khác sang cho KTTH NN. Qua đó thúc đẩy cả khía cạnh tăng trưởng về quy mô và cải thiện chất lượng của mô hình KTTH NN.

Thứ hai, điều chỉnh hành vi của các chủ thể liên quan hướng đến phát triển mô hình KTTH NN. Chính sách tài chính thông qua các chính sách thuế để khuyến khích các nhà đầu tư, nhà sản xuất hướng hành vi và hoạt động đến các dự án KTTH NN như chính sách thuế (Chính sách thuế nhập khẩu, thuế GTGT, thuế TNCN, Thuế thu nhập doanh nghiệp, Thuế đối với sử dụng đất nông nghiệp và phi nông nghiệp, chính sách phí thuế mặt bằng), chính sách chi ngân sách cho đầu tư cơ sở hạ tầng công phục vụ cho KTTH và tăng tiếp cận thị trường, đồng thời áp dụng các chính sách nhằm hạn chế các hoạt động sản xuất nông nghiệp tuyến tính gây ô nhiễm môi trường, sử dụng lãng phí nguồn tài nguyên không tái tạo thông qua chính sách thuế (thuế bảo vệ môi trường, thuế TTĐB, thuế cacbon, Thuế tài nguyên, Phí bảo vệ môi trường liên quan xả thải ra môi trường và các hình thức xử phạt vi phạm hành chính); Khuyến khích người tiêu dùng (thông qua yếu tố C trong mô hình tổng cầu của Keynes) mua và sử dụng các sản phẩm xanh gắn với KTTH trong nông nghiệp và chuyển hướng dùng sản phẩm KTTH thay cho sản phẩm của nông nghiệp tuyến tính. Qua đó thúc đẩy tăng trưởng về quy mô sản xuất KTTH NN.

Sơ đồ 1: Tác động của chính sách tài chính đến phát triển mô hình KTTH trong nông nghiệp



Nguồn: Nhóm nghiên cứu

Thứ ba, góp phần điều chỉnh cơ cấu sản xuất nông nghiệp quốc gia theo hướng phát triển nông nghiệp hiện đại và thân thiện môi trường. Thông quan hỗ trợ tài chính và điều chỉnh hành vi nhà sản xuất, người tiêu dùng (Chính phủ, các tổ chức và người tiêu dùng) hướng đến mô hình KTTH NN sẽ thúc đẩy tăng trưởng về lượng và chất của sản lượng và giá trị nông nghiệp được tạo ra từ KTTH. Cùng với đó là sự thu hẹp quy mô, diện tích canh tác và giá trị sản lượng nông nghiệp được tạo ra từ nông nghiệp tuyến tính. Qua đó tỷ trọng sản lượng và giá trị sản phẩm từ KTTH trên tổng giá trị ngành nông nghiệp tạo ra theo hướng hiện đại, an toàn vệ sinh thực phẩm và thân thiện với môi trường trên

nền tảng giảm ô nhiễm, giảm sử dụng tài nguyên thô không tái tạo, giảm chi phí xử lý ô nhiễm môi trường, tăng tái tạo, tái sử dụng và xử lý sinh hóa phế liệu, phế phẩm và phế thải thân thiện với môi trường.

Thứ tư, góp phần thực hiện mục tiêu quốc gia về phát triển bền vững và chống biến đổi khí hậu toàn cầu. Chính sách thúc đẩy phát triển KTTH NN theo cả tăng trưởng về quy mô và cải thiện chất lượng sản phẩm, quy trình sản xuất KTTH theo hướng thân thiện môi trường. Qua đó, sản xuất nông nghiệp sẽ theo hướng giảm ô nhiễm môi trường, hạn chế khai thác quá mức tài nguyên, nguyên liệu không tái tạo (than, dầu mỏ, khí đốt...), mở rộng việc khai thác, sử dụng tài nguyên tái tạo (điện gió, thủy điện, khí bioga...) cho sản xuất sẽ thúc đẩy phát triển bền vững trong nông nghiệp và qua đó nguy cơ biến đổi khí hậu được hạn chế và kiểm soát.

Thông qua thúc đẩy nông nghiệp KTTH và phát triển bền vững, các quốc gia có thể áp dụng nhiều biện pháp khác nhau buộc các nhà sản xuất chuyển chi phí bảo vệ môi trường vào giá thành sản phẩm; khuyến khích mở rộng mô hình sản xuất xanh, tiêu dùng xanh, đầu tư bảo vệ môi trường trong ngành nông nghiệp. Chính sách tài chính thúc đẩy mô hình KTTH NN là công cụ hữu hiệu để cải thiện môi trường, ngăn chặn các tác nhân gây ô nhiễm môi trường, điều hoà các quan hệ lợi ích giữa xã hội và nhà sản xuất (doanh nghiệp, hộ gia đình), người tiêu dùng từ đó, làm lành mạnh các quan hệ xã hội, khuyến khích ý thức tiết kiệm, giảm bớt sự lãng phí trong quá trình khai thác, sử dụng các nguồn tài nguyên thiên nhiên và tăng cường các biện pháp bảo vệ môi trường.

Kết luận: Với sự phát triển nhanh của khoa học và công nghệ, sự hợp tác mạnh mẽ trên toàn cầu về chống biến đổi khí hậu và hiệu ứng nhà kính thì phát triển mô hình KTTH NN là xu hướng tất yếu khách quan trong thời gian tới. Với sự tác động cả trực tiếp và gián tiếp đến cung và cầu của thị trường sản phẩm nông nghiệp, chính sách tài chính đã, đang và sẽ tiếp tục là vấn đề then chốt của then chốt tác động đến sự phát triển mô hình KTTH NN. Tùy theo bối cảnh và thực trạng của từng quốc gia mà có sự phối hợp hiệu quả giữa chính sách chi NSNN, chính sách thuế, phí, chính sách tín dụng ưu đãi và chính sách bảo hiểm nhằm đạt được mục tiêu thúc đẩy mô hình KTTH trong nông nghiệp.

Tài liệu tham khảo:

- John Maynard Keynes, 1936, *The General Theory of Employment, Interest and Money*, published in February 1936, MacMILLAN.
MacArthur E. (2013). *Towards the circular economy*. *Journal of Industrial Ecology*. 2: 23-44
Huong, N. T. (2023). Kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp tại Việt Nam - thực trạng và khuyến nghị. *Tạp chí điện tử khoa học và Công Nghệ*. DOI: <http://dx.doi.org/10.58845/jstt.vtt.2023.vn.3.2.47-52>
Horizon European Work Programme (2023). *Food, Bioeconomy, Natural Resources, Agriculture and Environment*. Publication.
Nguyễn Xuân Hồng (2020). *Cơ sở thực tiễn và động lực thúc đẩy phát triển nông nghiệp tuần hoàn tại Việt Nam: Kinh tế VAC*, truy cập ngày 21 tháng 10 năm 2020, từ <https://kinhtenonghon.vn/co-so-thuc-tien-va-dong-luc-thuc-dy-phat-trien-nong-nghiep-tuan-hoan-tai-viet-nam-kinh-te-vac-post38469.html>
Nguyễn Đào Tùng (PGS.TS) và cộng sự, 2025, *Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế và bài học rút ra về chính sách tài chính nhằm phát triển mô hình kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp ở Việt Nam*, *Tạp chí Nghiên cứu Tài chính kế toán*, ISSN:1859-4093, số 281, Kỳ 1 tháng 2 năm 2025.
Nguyễn Đào Tùng (PGS.TS) và cộng sự, 2024, *Chính sách tài chính nhằm phát triển mô hình kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp ở Việt Nam*, *Đề tài NCKH cấp Bộ Tài chính*, Mã số BTC/ĐT/2024-32.
Quang, P., Poonia, K., Singh, P., Ahmad, T., Le, Q. V., Huy Hoang, Hussain, C. M., Nguyen, V.-H., & Raizada, P. (2024). Sustainability: performance, and production perspectives of waste-derived functional carbon nanomaterials towards a sustainable environment: A review. *Chemosphere*, 352, 141419. <https://doi.org/10.1016/j.chemosphere.2024.141419>
Shahbaz, P., Haq, S. A., & Buz, I. (2022). Linking climate change adaptation practices with farm technical efficiency and fertilizer use: A study of wheat-maize mix cropping zone of Punjab province, Pakistan. *Environ. Sci. Pollut. Res.*, 29, 16925-16938.
Samuelson, Paul A. (1948). *Kinh tế: Phân tích giới thiệu*. McGraw-Hill. ISBN 978-0-07-126383-2
Solow, Robert M. (February 1956). "A contribution to the theory of economic growth". *Quarterly Journal of Economics (Oxford Journals)* 70 (1): 65-94.doi:10.2307/1884513
Stegmann & cộng sự (2020). *The circular bioeconomy: Its elements and role in European bioeconomy clusters*. *Resources, Conservation & Recycling: X Volume 6*, May 2020, 100029, <https://www.sciencedirect.com/science/article/pii/S259289X1930026X>
U.S. Department of Agriculture (2022). *USDA Bioeconomy Accomplishments*.
University College Dublin (2017). *Project of AgroCycle: The 'circular economy' applied to the agri-food sector*, presentation at The European Commission DG Research & Innovation hosted conference on: "Harnessing Research and Innovation for FOOD 2030: A Science Policy Dialogue", Brussels, October 16th 2017